

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỚ

QUYỂN 31

PHẨM 24: CA-DIỆP (PHẦN 4)

Từ câu: “Ca-diếp bạch rằng v.v...” trở xuống là nói khác với hư không, có hai phen hỏi đáp.

Câu hỏi thứ nhất, là nói Phật tánh, Niết-bàn, hư không đều chẳng thuộc ba đời, mà hư không gọi là Không, còn Niết-bàn là Thường, làm sao gọi là có? Phật đáp có ba ý: 1/ Nêu chương; 2/ Giải thích; 3/ Kết luận trả lời. Như văn kinh.

Từ câu: “Thế nào gọi là v.v...” trở xuống là giải thích ba môn đều có lý do.

Niết-bàn, Như Lai, Phật tánh, vì lợi ích, nên nói đối đãi nhau; hư không thì chẳng có lợi ích nên không có đối đãi. Nhưng được “không” này chẳng gọi là Thường.

Nói thêm rằng: Nói lợi ích là chỉ vì muốn hộ trì hạng quyền cơ ở thời mạt pháp, chẳng thuận theo nghe sinh tử là Niết-bàn, Nhị thừa là Như Lai, gạch ngói là Phật tánh; nhưng nếu bỗng nhiên có cơ duyên thì không thể không nói. Chỉ y cứ theo lời đáp ở sau, thì lời nói ấy có chỗ quy hướng. Kinh Pháp Hoa đã nói, đâu thể cố ý trái nghịch. Cho nên kinh ghi: “Tướng thế gian thường trụ”. Lời thế gian đâu có vượt qua năm ấm, cõi nước v.v... Huống chi ấm, giới, nhập, sắc, hai thừa Đại Tiểu không chỉ có chánh báo.

Từ câu: “Tất cả thế gian v.v...” trở xuống là kết luận câu trả lời.

Vì hư không chẳng có đối đãi nên gọi là Không, Niết-bàn có đối đãi nên gọi là Thường.

Hỏi: Niết-bàn đã đối với phi Niết-bàn, thì cũng có hư không đối với phi hư không, vì sao chẳng có?

Đáp: Muốn hiển bày cho nhau, nên Niết-bàn vốn dứt đối đãi mà nói là đối đãi, hư không vốn đối đãi mà nói dứt đối đãi. Vì Niết-bàn đối đãi nhau nên có chỗ nói Diệu hữu; hư không dứt đối đãi cho nên được

gọi là vô minh, là Diệu vô. Ở đây không nêu ra.

Ca-diếp nhân câu trả lời của Phật ở trên liền nêu câu hỏi rằng: “Trước Như Lai đã nói Niết-bàn có đối đãi nên gọi là có, hư không chẳng đối đãi nên nói là không, vậy bốn đại không có đối đãi lẽ ra cũng là không? Bốn đại không có đối đãi mà lại có, hư không chẳng có đối đãi lẽ ra cũng có, văn này chẳng thay đổi; tất cả thế gian không có khi bốn đại đối đãi mà còn nói là có, nghĩa là các vật ở thế gian đều là bốn đại tức là có; không có phi bốn đại đối với bốn đại. Tuy nêu các câu hỏi, nhưng rốt cuộc Phật chẳng đáp, chỉ lặp lại hư không đối với Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao chẳng đáp? Cũng có ý nghĩa sâu xa, Ca-diếp vốn nói: bốn đại không đối nên gọi là có, hư không lẽ ra cũng không đối thành là có.

Nay nói đại tuy không có ngoại chấp, chẳng phải bốn đại để đối với bốn đại, nhưng trong bốn đại tự có đối đãi, như đất, nước v.v... đều tự đối đãi nhau, mà trong hư không lại không có vật tự đối đãi, cho nên nói không, đây đều là đối nêu, nên Phật chẳng đáp. Phật đáp có ba: Một, nêu lại câu hỏi để bác bỏ, kế là giải thích.

Nói về Niết-bàn có mười lăm câu nên gọi là có, hư không chẳng có mười lăm câu nên là không.

Từ câu: “Nếu có lia v.v...” trở xuống là ý thứ ba chánh đáp, có năm câu: Một, là nói hư không nếu là có thì đồng với mặt đất, thuộc về ba đời.

Từ câu “Như người đời v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói nếu hư không là có, thì lẽ ra đồng là tâm sở, có ba câu.

Từ câu: “Nếu hư không v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói nếu có pháp thì thuộc ba đời.

Thứ tư nói là bốn ấm chỉ đồng bốn ấm, trừ sắc ấm. Bốn ấm còn lại gọi là ấm, bốn ấm chẳng thể thấy, hư không cũng thế, ấm thuộc ba đời, hư không cũng như thế. Từ câu: “Vì thế v.v...” trở xuống là ý thứ năm, kết luận nói chẳng phải có.

Ý này chính là nói về pháp, nếu là có thì có thể nói đối đãi nhau, không đã là vô thì sao có đối đãi?

Từ câu: “Lại nữa v.v...” trở xuống là đoạn ba, phá chấp không của ngoại đạo. Văn có hai: 1. Chánh phá chấp; 2. Kết luận về đồng khác. Chánh đáp có hai: 1. Phá riêng tám chấp; 2. Nêu chung năm đại để so sánh mà phá.

Phá riêng tám chấp: 1/ Phá nghĩa hư không là ánh sáng; 2/ Phá chấp hư không là chỗ ở; 3/ Phá chấp hư không là thứ lớp; 4/ Phá chấp hư

không ở tại ba chỗ; 5/ Phá chấp hư không có thể tạo ra; 6/ Phá chấp hư không ở chỗ vô ngại; 7/ Phá cả hai chấp; 8/ Phá lại hư không là chỗ ở.

Thứ nhất phá chấp hư không là ánh sáng: Các Sư Số Luận nói không là thuộc về minh sắc trong hai mươi một sắc. Trước nêu câu chấp, sau là phá.

Văn kinh ghi: “Cũng có thể nói hư không là Thường”, nếu ghi đầy đủ là: “Cũng chẳng thể nói hư không là Thường”, vì văn kinh đã lược bỏ chữ Bất (chẳng). Hư không tuy chẳng thể chẳng nói là Thường, nhưng rốt cuộc là Vô thường, các ngoại đạo này chẳng hiểu được nghĩa Không, nói không là sắc; đó là trong không chứa đựng ánh sáng; đâu được nói hư không là sắc? Nói “Cũng có thể”, lẽ ra nên nói: “Chẳng thể”, vì lời nói đã bị lược bỏ.

Từ câu: “Lại có người v.v...” trở xuống là thứ hai, phá chấp không trụ chỗ ở. Cũng trước là nhắc lại, kế là phá, sau là kết luận.

Quang Trạch cho rằng: Đã nói Chân đế có trùng số, cũng nói hư không có chỗ ở, như hai ngôi nhà, một ở phía đông thì đầy người, một ở phía Tây, thì trống không, nên biết nói có chỗ ở cũng đồng một cách phá này.

Từ câu: “Lại có người nói v.v...” trở xuống là thứ ba, phá chấp hư không là thứ lớp. Nói thứ lớp, như trong ống tiêu, ống sáo và cửa hương vào trong. Các Sư Số Luận cho rằng trong cửa sổ thấy được hư không ngoài cửa sổ, đầu tiên ở trong lớp chấn song thứ nhất nhìn thấy, rồi kế đến thấy lớp thứ hai, thứ ba, đó là thứ lớp.

Văn kinh trước nhắc lại, sau là phá.

Từ câu: “Lại có người v.v...” trở xuống là thứ tư phá chấp hư không ở ba chỗ, tức có ba chấp. Trước là nhắc lại, sau là phá.

1/ Không tại ở nơi không, chẳng có trong hữu; 2/ Chấp không ở nơi hữu, chẳng có trong không; 3/ Chấp tại Hữu không, như vật sắp mục nát mà chưa mục nát, gọi là hữu không.

Kế là phá chấp, như văn kinh.

Từ câu: “Như nói hư không v.v...” trở xuống là thứ năm, phá chấp hư không là pháp được làm ra. Cũng trước là nhắc lại chấp, sau phá chấp.

Ngày nay các sư Số Luận v.v... mỗi vị đều chấp đào đất, chặt cây, v.v... đều được hư không, tức cho hư không được làm ra.

Từ câu: “Người thế gian v.v...” trở xuống là thứ sáu, phá chỗ không ngăn ngại, trước là nhắc lại chấp.

Kế là phá chấp. Có hai câu: 1. Từ: “Nếu đủ và chẳng đủ v.v...”

Đầu tiên là nêu hai câu để định. Kế là vấn hỏi.

Chỉ hỏi chỗ không ngăn ngại là hư không, hư không này có dung chứa đầy đủ hư không ở mười phương hay không? Nếu chứa đủ thì nên biết mười phương chẳng có hư không, nếu chẳng đầy đủ, thì đây có kia không.

Từ câu: “Lại có người nói v.v...” trở xuống là thứ bảy, phá hai chấp: 1/ Chấp không và hữu; 2/ Chấp hư không ở trong vật. Trước nhắc lại hai chấp.

Kế là chánh phá, trước nêu chung chẳng phải.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” là phá cả hai chấp: Trước phá chấp không và hữu hợp, kế là phá chấp vật trong vật chứa.

Vấn thứ nhất có hai: Trước nêu ba chương, kế là theo thứ lớp giải thích ba chương.

Một là dị nghiệp, giống như chim bay nhóm hợp trên cây, chỉ có chim đến đậu trên cây, cây chẳng đến đậu ở chỗ chim; cũng giống như thế, vật đến hợp với không, không chẳng đến hợp với vật.

Cộng nghiệp hợp nhau như hai con dê cụng nhau, cũng như thế, hư không cũng hợp với vật, vật cũng hợp với hư không.

Đã hợp rồi như hai ngón tay xúc chạm nhau, tức dụng của vật hợp với vật rồi, vật chỉ là thể, dụng là động dụng của vật, thể dụng hai việc đã hợp. Dụng của không đã hợp với không, không tức là thể của hư không, dụng là công dụng dung chứa của hư không, thể và dụng này đã hợp lại còn dùng vật mà hợp với hư không. Như hai ngón tay trước đã hợp rồi, sau đó từng cặp hợp với nhau.

Từ câu: “Nếu nói dị nghiệp v.v...” trở xuống là giải thích ba chương ở trên. Chương một có ba ý: Một là hỏi về vô thường, hai là hỏi về thường, ba hỏi vừa thường vừa vô thường. Thứ nhất như văn kinh ghi.

Nói vật nghiệp tức là động nghiệp, hư không nghiệp tức là không nghiệp. Không nghiệp hợp với vật, thì hư không vô thường, vật đã vô thường mà hư không hợp với nó, há chẳng phải vô thường hay sao? Nếu vật hợp với không, vật thì chẳng cùng khắp, đây đã hợp với kia, lẽ ra thì hư không cũng được cùng khắp, lẽ ra tùy hư không cũng là thường. Bách luận nói nếu tâm thần là giác thì dùng các thần như giác, v.v... để phá. Nhưng lời này hơi khác, mà lại là chấp nghĩa này. Chính là nói vật đã chẳng khắp vì sao lại hợp với hư không. Nói là vô thường, thì hư không cũng là vô thường ư?

Từ câu: “Nếu nói hư không v.v...” trở xuống là ý thứ hai, hỏi về

thường. Văn có hai: Trước nêu chấp để bác bỏ, sau là hỏi.

Ý hỏi là hợp thì khiến cả hai đều vô thường.

Từ câu: “Nếu nói hư không là thường, v.v...” trở xuống là câu thứ ba, nói về thường, vô thường.

Hoặc nói nếu hợp với vật thì hư không tự vô thường, chẳng hợp với vật thì hư không thường tự là thường. Nói vừa thường vừa vô thường, nay hỏi rằng: “Không có việc đó”, nghĩa là trong pháp tướng, không có pháp nào nửa thường nửa vô thường.

Từ câu: “Nếu cộng nghiệp hợp v.v...” trở xuống là giải thích chương hai, văn có hai: Trước nêu chấp để bác bỏ, kế là phá.

Nói hư không và nghiệp hợp, thì nghiệp phải cùng khắp, tức là Thể và Dụng của không hợp, lẽ ra Dụng cũng cùng khắp, nếu Dụng cùng khắp thì lẽ ra hợp khắp với tất cả vật, chẳng thể có hư không là vật, chẳng được nói có hợp và chẳng hợp.

Từ câu: “Nếu nói đã hợp v.v...” trở xuống là giải thích chương môn thứ ba. Văn có hai: Trước nêu chương môn để bác bỏ.

“Vì sao v.v...” “trở xuống là chánh phá, gồm có pháp, dụ và hợp.

Nói “trước không sau có”, nghĩa là không và vật khi trước chưa hợp, sau đó mới hợp, là xưa không nay có, lẽ ra là vô thường nhưng đây mới chỉ phá nghĩa hợp sau, chưa phá nghĩa hợp trước. Vì sao? Vì trước là thể Không và nghiệp dụng Không, Thể vật và nghiệp dụng vật không có thì thôi, đã có thì đồng thời đâu được nói trước thì không hợp, sau mới hợp. Mà người nông cạn cho rằng “không” mà thể mà có, khi đến mức quá dụng của không; vật cũng như thế, khi thể di động thì mới có dụng. Chỉ cần ý hợp trước này cũng đã là xưa không nay có, khi phá thì nên nói là vô thường. Chỉ một nghĩa “trước không nay có” này mà phá là phá đầy đủ hai hợp trước sau. Chánh là phá hai hợp sau, phụ là phá một hợp trước.

Từ câu: “Nếu nói hư không v.v...” trở xuống là phá chấp sau, nói hư không ở vật chứa. Văn có ba: Một là nêu lời chấp và bác bỏ; hai là vấn hỏi; ba là kết luận.

Thứ nhất nêu lời chấp.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” trở xuống là vấn hỏi. Trước y theo lý để hỏi, sau y theo hợp để hỏi. Thứ nhất lại có ba:

1/ Chánh thức hỏi.

Nếu nói có vật thì hư không ở trong vật ấy, vậy khi không có vật chứa, thì hư không ở đâu?

2/ Từ câu: “Nếu có trụ xứ v.v...” là vấn hỏi rằng lẽ ra có nhiều hư

không.

Chưa có vật chứa thì đã có một hư không, có vật lại có thêm một hư không, vậy chẳng phải là nhiều hư không hay sao?

3/ Từ câu: “Nếu nhiều v.v...” trở xuống là kết luận nêu lỗi.

Kết ba lỗi: Một, chẳng được nói thường, nghĩa là trước chẳng có hư không trong vật chứa, nay có hư không trong vật chứa, chẳng lẽ là thường được ư? Hai, chẳng được nói là một; Ba, chẳng được nói cùng khắp; nghĩa là hư không khi đã có vật chứa chẳng phải là hư không khi không có vật chứa, như thế thì đâu thể nói là cùng khắp?

Từ câu: “Ví như v.v...” trở xuống là hợp để vặn hỏi. Nếu cho rằng hư không lúc không có vật chứa lia hư không khi có vật chứa mà có chỗ ở, thì vật lia hư không lẽ ra cũng có chỗ ở.

Từ câu: Cho nên biết được v.v...” trở xuống là kết luận.

Từ câu: “Nếu có người nói v.v...” trở xuống là đoạn tám lại phá chấp hư không là chỗ ở. Trước nêu lời chấp, sau là phá.

Nói chỗ ở của ngón tay, tức là nếu nói tất cả chỗ ở của ngón tay là chỗ ở của hư không, đã có bốn phương, mà phương khác nhau, thì hư không lẽ ra cũng có bốn phương, tùy theo chỗ ở của hư không.

Từ câu: “Nếu có pháp nào v.v...” trở xuống là đoạn hai, tổng kết, nêu năm đại trụ, so sánh phá tất cả.

Từ câu: Vì hư không là không v.v...” trở xuống là kết luận đồng khác trong phần phá chấp ngoại đạo. Nói đồng thì Niết-bàn và hư không đồng, không thuộc ba đời; nói khác thì Niết-bàn là thường, hư không là không.

Vấn có ba ý: 1. Nói hư không chẳng thuộc ba đời, kể là đến nêu sừng thỏ cũng chẳng phải.

1/ Từ câu: “Vì thế nên ta nói v.v...” trở xuống là kết luận đồng khác.

2/ Từ câu: “Này người Thiện nam! v.v...” trở xuống là về Dụng tập dứt trừ hoặc thứ ba, cũng là Dụng vô tánh. Vì sao dứt được hoặc? Vì đã được Trung đạo quán, nên sẽ dứt bỏ được các hoặc, nếu không có pháp quán này thì lấy gì dứt hoặc. Có hai đoạn lớn: 1/ Nói Như Lai tập giải đã đầy đủ, không còn tranh tụng với thế gian; 2/ Nói các Bồ-tát v.v... có quán giải dứt hoặc.

Đoạn một có ba ý: 1/ Quán giải; 2/ Luận nghĩa; 3/ Kết luận thành dụng vô tránh. Văn ý thứ nhất: Người trí thế gian, thể hiện lý Trung đạo, nói cả có không, Phật cũng nói thế, chẳng có chống trái. Vả lại, Phật đã chứng Trung đạo nên hòa hợp với chúng sinh, do đó chẳng

tranh cãi, đó há chẳng phải là Dụng của Trung đạo quán ư? Người ngu thế gian lời nói trái với chánh lý, chẳng đúng với Pháp tướng, cho dù nói có nói không cũng đều trái với ý chỉ của Phật, như tranh luận với Phật, huống chi với người thế gian?

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là ý thứ hai, luận về nghĩa gồm bốn phen hỏi đáp. Phen thứ nhất, là trước hỏi, sau đáp.

Trong lời đáp có ba phần: Một là nêu mười pháp. Hai là nêu người pháp. Ba, là kết luận không tranh cãi.

Trong hai đoạn văn nêu mười pháp và kết luận đều có chữ Triêm, phải đọc âm là Điểm.

Phen thứ hai hỏi đáp nói về người trí thế gian nói có không, thứ nhất là hỏi.

Trong lời đáp là định về pháp thể. Văn có hai: trước nói về có, kế là nói về không.

Phen thứ ba. Hỏi có hai: trước đặt ra câu hỏi trái nhau. Kế là kết luận Phật có điên đảo.

Lời đáp chẳng trái nhau, mỗi lời đều có y cứ: Sắc của chúng sinh từ phiền não sinh, nên sắc là Không, sắc của chư Phật chẳng phải như thế, cho nên nói là Có.

Phen hỏi đáp thứ tư nói về tướng sắc Thường, Vô thường .

Câu hỏi chứa đựng hai ý: Một là hỏi thế nào là sắc ấm từ phiền não sinh mà gọi là Vô thường? Hai là hỏi thế nào là sắc chẳng từ phiền não sinh mà nói là Thường? Lời đáp cũng có hai nghĩa; nay trong lời hỏi đã lược, nên chỉ nêu sắc từ phiền não sinh là vô thường mà thôi.

Đức Phật đáp có ba: Một là nói quán và chẳng quán, là gió của Thường và Vô thường; Hai là nói về quả của Thường và Vô thường; Ba là kết luận nêu người lệ thuộc. Thứ nhất, văn có hai: Đầu tiên nói chung về quán và chẳng quán, kế là nói người quán. Cũng có thể nói trước lược sau rộng. Trong rộng chỉ nói một nghĩa. Văn trước lại có bốn, đây là đoạn một nói sinh ba lậu là cảnh sở quán. Từ câu: “Người trí v.v...” trở xuống là đoạn hai, nêu người năng quán; từ câu: “Như có người v.v...” trở xuống là đoạn ba, nêu người chẳng thể quán; từ câu: “Lại có bốn hạng người v.v...” trở xuống là đoạn bốn, nêu cả hai hạng người.

Nói người chẳng thấy, người dụ cho ba lậu, kẻ mù dụ cho chúng sinh, rừng gai dụ cho đường ác; Muốn nói ba lậu dắt dẫn các chúng sinh rơi ba đường ác, dầu có ra khỏi được thì pháp thân bị tổn thương, pháp thân tổn thương thì ba thân cũng bị hoại.

Thứ tư là kết cả hai hạng người, trong đó có bốn câu: Hai câu

đầu là hai người quán và chẳng quán, hai câu sau là nói hạng người bị nghiệp dẫn dắt.

Từ câu: “Nếu có người v.v...” trở xuống là đoạn hai, chỉ nêu người năng quán; Trước nêu người, kế là nói rộng về người. Văn có hai là nói chung và nói riêng, nói chung lại có hai: Một là nói quán các lậu, gồm sáu câu.

Từ câu: “lại nghĩ rằng v.v...” trở xuống là nói tự mình khuyên tu, có năm câu.

“Vì thế v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói về quán hữu lậu, cũng có hai: thứ nhất nói về quán các loại, kế là siêng tu tập. Thứ nhất lại có ba đoạn: Quán nhân, có pháp, dụ và hợp.

Từ câu: “Người có trí v.v...” trở xuống là quán quả báo.

Từ câu: “Quán quả báo v.v...” trở xuống là nói, quán nặng nhẹ.

Từ câu: “Người trí nếu biết v.v...” trở xuống là , nói về tự mình siêng năng tu tập, gồm có pháp, dụ và hợp.

Từ câu: “Nếu người biết v.v...” trở xuống là , nói về quả Thường, Vô thường. Văn có hai: Trước nói chẳng từ phiền não sinh thì được quả thường, kế là nói phiền não sinh thì được quả vô thường.

Từ câu: “Biết phiền não v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, kết luận về người. Văn có hai: trước nói người được quả thường, tức Như Lai.

Kế là nói người được quả vô thường tức phàm phu.

Từ câu: “Người trí ở thế gian v.v...” trở xuống là ý thứ ba, kết luận thành dụng vô tránh.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về Bồ-tát dứt hoặc, tức các Bồ-tát v.v... tu tập quán giải, xa lìa các kết sử lậu hoặc, nếu không có lực dụng của Trung đạo, làm sao có thể khiến cho các hoặc dứt hết. Văn có bốn phần: 1. Quán thể của lậu; 2. Quán nhân của lậu; 3. Quán quả của lậu hoặc; 4. Kết luận trí quán. Quán thể gồm ba phen hỏi đáp: Thứ nhất, trước hỏi thể của ba lậu hoặc.

Phật đáp có ba câu: một đáp về Dục lậu, ở đây lại chia làm ba: 1. Nêu thể; 2. Dẫn chứng; 3. Kết luận. Thứ nhất là nêu thể.

Ác giác bên trong là nội tâm, do duyên bên ngoài là ngoại duyên.

Từ câu: “Vì thế khi xưa v.v...” trở xuống là dẫn chứng.

Kế là nói về hữu lậu cũng có ba:

1. Nêu thể.
2. Phân biệt khác với dục lậu.
3. Kết luận nêu danh.

Kế là nói về vô minh lậu. Văn có hai: 1. Nêu thể; 2. Nói sinh ra các lậu.

1) Câu này là nêu thể của vô minh lậu.

2) Từ câu: “Vô minh v.v...” trở xuống là nói về công năng sinh ra các lậu. Văn có ba là nêu lên, giải thích và kết luận.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là lần hỏi đáp thứ hai. Trước hỏi vì sao nói khác nhau.

Từ câu: “Hai pháp như thế v.v...” trở xuống là Đức Phật đáp; Văn có ba:

1/ Nêu hai chương: Một làm nhân quả lẫn nhau, hai là giúp nhau lớn lên.

2/ Từ câu: “Chẳng khéo suy nghĩ, v.v...” trở xuống là giải thích hai chương: trước giải thích làm nhân quả.

Từ câu: “Chúng giúp nhau lớn lên, v.v...” trở xuống là giải thích lớn lên.

Từ câu: “Như hạt giống v.v...” trở xuống là lập dụ, kết luận.

3/ “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” là lần hỏi đáp thứ ba.

Ý hỏi: Trước Phật nói lậu thứ ba là vô minh, vì sao nay lại nói từ vô minh mà sinh.

Từ câu: “Phật bảo rằng v.v...” trở xuống là Phật đáp, Văn có ba: trước nói có hai thứ vô minh.

Từ câu: “Nếu nói vô minh, v.v...” trở xuống là giải thích hai thứ vô minh. Văn có hai: Trước nói vô minh lậu là vô minh bên trong, kế giải thích từ đó sinh là lậu bên ngoài.

Nội tâm chẳng biết là vô minh, bên ngoài lại sinh phiền não là ngoại vô minh.

Từ câu: “Nếu nói vô minh lậu, v.v...” trở xuống là kết luận hai quả.

Nói vô minh lậu là thỉ chung, nghĩa là được quả vô thỉ, vô chung. Trong mười hai nhân duyên thì vô minh là chi thứ nhất, làm sinh ra các quả hành thức v.v... nhân duyên này trôi lăn ba đời, nên gọi là vô thỉ chung. Nếu được Trung quán, trừ diệt nhân duyên thì thành có thỉ chung, ngược dòng sinh tử trở về Niết-bàn cuối cùng. Nói từ vô minh sinh ấm nhập v.v..., nghĩa là từ vô minh sinh ra các lậu, vờ lấy quả ấm.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn hai, quán nhân của các lậu, gồm có hai lần hỏi đáp. Thứ nhất là từ câu: “Người trí, v.v...” trở xuống là Phật đáp. Văn có bốn: Thứ nhất nói về nguyên nhân bên ngoài.

Từ câu: “Do nhân duyên gì v.v...” trở xuống là nói về nguyên nhân bên trong.

Từ câu: “Khi Bồ-tát v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói nhờ có tu quán nên đắc đạo.

Từ câu: “Vì thế v.v...” là thứ tư, dẫn chứng.

Từ câu: Ca-diếp v.v...” trở xuống là lần hỏi đáp thứ hai, tức là hỏi.

Kế là Phật đáp: trước là dụ, sau là hợp.

Nói một vật chứa là dụ cho một thân minh; có các hạt giống là dụ cho các hoặc đã thành thực, được mưa thì các hạt đều nảy mầm, nghĩa là nếu chấp tướng thì tự tướng mỗi hạt đều sinh khởi, nếu chấp tướng đẹp thì sinh tham, chấp tướng xấu thì sinh sân. Kế là hợp dụ.

Nói do ái nên sinh ra các phiền não, nghĩa là lại chấp tướng.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn ba, quán quả của các lậu; cũng có hỏi và đáp.

Phần đáp có hai: Trước nói về quả báo, sau nói về tập quả.

Trong quả báo có ba khổ và ba vô thường, có hai cách giải thích: Một là cho rằng ba khổ tức khổ khổ, hành khổ và hoại khổ; ba vô thường là sinh diệt, lưu động và đại kỳ. Hai là cho rằng ba cõi là ba khổ, ba vô thường tức ba cõi đều vô thường.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là lần thứ hai phân biệt quả báo vô lậu. Phần hỏi có hai là lược và rộng. Lược hỏi lại có ba: Một là nói có quả vô lậu.

Hai là nói người trí dứt bỏ quả báo.

Ba là chánh thức hỏi.

Từ câu: “Những người đắc đạo v.v...” trở xuống là hỏi rộng. Văn có ba: Thứ nhất là nêu có quả vô lậu.

Từ câu: “Như người trí v.v...” trở xuống là hỏi vì sao nói đoạn?

Từ câu: “Như đoạn v.v...” trở xuống là thứ ba, hỏi vì sao nói có.

Ý hỏi là: Có quả hữu lậu, lại có quả vô lậu. Nếu bậc Thánh dứt quả vô lậu thì làm sao được quả báo bậc Thánh? Nhưng Phật đáp có hai ý: Một là nếu nói theo đương thể tức pháp vô lậu không có quả báo, mà nay nói có tức là trong nhân nói quả. Phật đáp, văn có ba: Một, là nhân quả cùng nói; hai là nói không có quả vô lậu; ba là không có quả phiền não. Thứ nhất lại có ba câu: 1/ Nói Như Lai có hai thuyết.

2/ Từ câu: “Như người thế gian v.v...” trở xuống là câu thứ hai, nêu người thế gian nói.

3/ Từ câu: “Ta cũng thế v.v...” trở xuống là câu thứ ba, nêu Như

Lai nói.

Nói thân nhờ tâm vận mà đến Phạm thiên, là trong nhân nói quả, nghĩa là cõi Sắc là thân, định sở thiên là tâm, định là ý nghiệp, vì thế gọi là Tâm, là Thường. Cho cõi Sắc là tâm sinh thân, đó là định tâm; tâm thật ra chẳng phải thân, nhưng từ tâm có thể được thân, nên gọi là thân. Đó là trong nhân nói quả, còn trong quả có nhân thì rất dễ hiểu.

Từ câu: “Tất cả bậc Thánh v.v...” trở xuống là nói về vô lậu không có quả báo.

Trong ba Hữu chỉ có nghiệp Hữu lậu được quả báo, nên nói không có quả vô lậu. Câu sau lại nói về quả vô lậu, đây là trong nhân nói quả, tức nhân vô lậu mà được quả Phật. Nhân thật chẳng phải quả mà vẫn sinh quả, nên nói nhân là quả.

Từ câu: “người có trí v.v...” trở xuống là thứ ba, nói không có quả phiền não. Văn có hai: 1/ Nói về dứt hoặc. Kế là nói tu đạo.

Thứ tư, kết luận về quán trí.
